

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng cho sinh viên khóa K56

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGD&ĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BDGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông báo số 579/BB-ĐHKTCN của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc cấp học bổng toàn phần cho tân sinh viên K56.

Căn cứ vào biên bản: /BB-ĐHKTCN xét học bổng học kỳ 1 năm học 2020-2021 của Hội đồng xét học bổng ngày 11/11/2020;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng CT HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng toàn phần cho 177 sinh viên khóa K56 học kỳ 1 năm học 2020-2021 hệ đại học chính quy (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổng số tiền chi: 1.045.500.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.

Điều 3. Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của nhà trường.

Điều 4. Trưởng phòng Kế hoạch – tài chính, phòng CT HSSV, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, CT HSSV.


HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN KHÓA K56

Học kỳ 1 (2020-2021)

(Kèm theo quyết định số: 3220 /QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 11 năm 2020)

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Loại xét	Điểm	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng tiền(đ)
1	K205905228012	Vũ Thế Hiếu	25/01/2002	K56AP.I	điểm thi	24,6	1.980.000	5	9.900.000
2	K205905228014	Vũ Công Minh	14/09/2002	K56AP.I	điểm thi	24,35	1.980.000	5	9.900.000
3	K205905228015	Nông Minh Quang	20/11/2002	K56AP.I	điểm thi	25,75	1.980.000	5	9.900.000
4	K205905228016	Trần Thế Sơn	13/04/2002	K56AP.I	điểm thi	25,4	1.980.000	5	9.900.000
5	K205905228005	Nguyễn Duy Khánh	05/11/2002	K56AP.I	Học bạ	27,79	1.980.000	5	9.900.000
6	K205905218006	Đỗ Văn Đắc	26/03/2002	K56AP.M	Học bạ	27,58	1.980.000	5	9.900.000
7	K205520114184	Nguyễn Văn An	21/08/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,6	1.170.000	5	5.850.000
8	K205520114190	Vũ Thành Đạt	31/03/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,2	1.170.000	5	5.850.000
9	K205520114192	Hà Minh Giang	25/02/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
10	K205520114200	Hoàng Mạnh Kiên	16/03/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	26,25	1.170.000	5	5.850.000
11	K205520114216	Vũ Đỗ Bình	28/02/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	25,8	1.170.000	5	5.850.000
12	K205520114220	Dương Công Tiến	23/03/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	27	1.170.000	5	5.850.000
13	K205520114222	Đào Ngọc Hải	24/10/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,7	1.170.000	5	5.850.000
14	K205520114223	Nguyễn Minh Tuấn	24/12/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,5	1.170.000	5	5.850.000
15	K205520114226	Đỗ Xuân Trường	04/05/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	25,1	1.170.000	5	5.850.000
16	K205520114230	Trần Khắc Quyết	24/01/2001	K56CDT-CLC	điểm thi	24,35	1.170.000	5	5.850.000
17	K205520114245	Dương Việt Hoàng	23/09/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
18	K205520114250	Nguyễn Đăng Khoa	14/10/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,4	1.170.000	5	5.850.000
19	K205520114261	Đào Anh Tú	20/09/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,8	1.170.000	5	5.850.000
20	K205520114264	Hà Diệp Anh	03/07/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,15	1.170.000	5	5.850.000
21	K205520114267	Nguyễn Ngọc Lâm	23/06/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,5	1.170.000	5	5.850.000
22	K205520114269	Phạm Trường Giang	23/03/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,2	1.170.000	5	5.850.000
23	K205520114276	Lê Sỹ Huy	03/11/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	25,35	1.170.000	5	5.850.000
24	K205520114277	Thân Đức Bình	31/08/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,55	1.170.000	5	5.850.000
25	K205520114283	Hoàng Trường Giang	12/02/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
26	K205520114291	Hoàng Thị Bích Ngọc	19/02/2002	K56CDT-CLC	điểm thi	24,65	1.170.000	5	5.850.000
27	K205520116053	Phạm Văn Biên	06/11/2002	K56CĐL.01	điểm thi	25,25	1.170.000	5	5.850.000
28	K205520116005	Lê Văn Công	05/04/2002	K56CĐL.01	Học bạ	26,3	1.170.000	5	5.850.000
29	K205520116065	Nguyễn Trung Hiếu	20/12/2002	K56CĐL.01	điểm thi	23,65	1.170.000	5	5.850.000



30	K205520114013	Nghiêm Văn	Dũng	05/03/2002	K56CĐT.01	Học bạ	27,01	1.170.000	5	5.850.000
31	K205520114066	Phạm Đức	Thắng	20/06/2002	K56CĐT.01	Học bạ	30,55	1.170.000	5	5.850.000
32	K205520114148	Lê Văn	Tiến	21/05/2002	K56CĐT.01	Học bạ	27,22	1.170.000	5	5.850.000
33	K205520114134	Vương Đức	Thành	24/07/2002	K56CĐT.02	Học bạ	27,28	1.170.000	5	5.850.000
34	K205520114181	Bùi Quang	Huy	08/10/2002	K56CĐT.02	Học bạ	27,05	1.170.000	5	5.850.000
35	K205520114202	Hoàng Hoài	Nam	25/09/2001	K56CĐT.03	điểm thi	26,65	1.170.000	5	5.850.000
36	K205520114221	Hoàng Xuân	Trường	23/12/2002	K56CĐT.03	điểm thi	24,4	1.170.000	5	5.850.000
37	K205520114233	Đỗ Quảng	Hai	02/01/2002	K56CĐT.03	điểm thi	24,2	1.170.000	5	5.850.000
38	K205520114249	Bùi Xuân	Khoa	27/01/2002	K56CĐT.03	điểm thi	24,15	1.170.000	5	5.850.000
39	K205510202039	Hoàng Văn	Tiếp	03/06/2002	K56CN -CTM.01	điểm thi	24,85	1.170.000	5	5.850.000
40	K205510202018	Nghiêm Thị Hồng	Nga	30/08/2002	K56CN -CTM.01	Học bạ	28,35	1.170.000	5	5.850.000
41	K205510301091	Chu Hồng	Yên	11/10/2002	K56CN-ĐĐT.02	Học bạ	26,88	1.170.000	5	5.850.000
42	K205510301124	Ly Chồng	Dềnh	16/06/2002	K56CN-ĐĐT.03	điểm thi	25,45	1.170.000	5	5.850.000
43	K205510301147	Lương Văn	Long	15/12/2002	K56CN-ĐĐT.03	điểm thi	23,55	1.170.000	5	5.850.000
44	K205510301153	Dương Ngô Hải	Nam	26/08/2002	K56CN-ĐĐT.03	điểm thi	23,6	1.170.000	5	5.850.000
45	K205510301179	Nguyễn Việt	Duy	26/06/2002	K56CN-ĐĐT.03	điểm thi	23,35	1.170.000	5	5.850.000
46	K205510205043	Triệu Bình	Minh	18/01/2002	K56CN-KTO.01	Học bạ	27,85	1.170.000	5	5.850.000
47	K205510205140	Dương Hồng	Anh	03/02/2002	K56CN-KTO.01	Học bạ	28,19	1.170.000	5	5.850.000
48	K205510205085	Ma Công	Đức	25/03/2002	K56CN-KTO.02	Học bạ	27,41	1.170.000	5	5.850.000
49	K205510205165	Nguyễn Minh	Chiến	11/09/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	24,35	1.170.000	5	5.850.000
50	K205510205173	Trần Hoàng	Dương	11/10/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	24,6	1.170.000	5	5.850.000
51	K205510205183	Nguyễn Minh	Hiếu	10/01/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	25	1.170.000	5	5.850.000
52	K205510205194	Triệu Quốc	Khánh	01/09/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	25,75	1.170.000	5	5.850.000
53	K205510205209	Trần Minh	Nghĩa	06/09/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	26,65	1.170.000	5	5.850.000
54	K205510205244	Hà Văn	Đạt	27/04/2002	K56CN-KTO.03	điểm thi	25,05	1.170.000	5	5.850.000
55	K205520201123	Hoàng Minh	Tuân	24/04/2002	K56ĐĐT.01	Học bạ	26,22	1.170.000	5	5.850.000
56	K205520201126	Đặng Linh	Chi	20/11/2002	K56ĐĐT.01	Học bạ	26,29	1.170.000	5	5.850.000
57	K205520201141	Triệu Quang	Linh	14/06/1999	K56ĐĐT.01	Học bạ	26,05	1.170.000	5	5.850.000
58	K205520201034	Bê Thị	Diệp	09/07/2002	K56ĐĐT.02	Học bạ	27,01	1.170.000	5	5.850.000
59	K205520201093	Ngô Văn	Tú	27/05/2002	K56ĐĐT.02	Học bạ	27,38	1.170.000	5	5.850.000
60	K205520201156	Nguyễn Tiến	Đạt	16/12/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	23,15	1.170.000	5	5.850.000
61	K205520201157	Nguyễn Tiến	Đạt	23/09/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	23,9	1.170.000	5	5.850.000
62	K205520201158	Hứa Văn	Diệp	03/01/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	24,55	1.170.000	5	5.850.000
63	K205520201177	Nguyễn Văn	Tiến	27/11/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	24,85	1.170.000	5	5.850.000

DU
TR
ĐA
KỶ
CÓN
HQC

64	K205520201181	Hoàng Thị Thúy	Nga	07/09/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	24,8	1.170.000	5	5.850.000
65	K205520201182	Dương Phước	Hiếu	16/01/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	23,8	1.170.000	5	5.850.000
66	K205520201183	Trần Đức	Nam	15/03/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	23,85	1.170.000	5	5.850.000
67	K205520201187	Dương Quang	Hiếu	08/06/2002	K56ĐĐT.03	điểm thi	23,9	1.170.000	5	5.850.000
68	K205520201196	Nguyễn Đức	Dương	01/06/2001	K56ĐĐT.03	điểm thi	25,5	1.170.000	5	5.850.000
69	K205520216022	Lâm Chí	Cường	27/12/2002	K56ĐKT.01	Học bạ	27,35	1.170.000	5	5.850.000
70	K205520216048	Nguyễn Mạnh	Kiên	10/03/2002	K56ĐKT.01	Học bạ	28,09	1.170.000	5	5.850.000
71	K205520216087	Nguyễn Thị	ánh	24/05/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	28,28	1.170.000	5	5.850.000
72	K205520216091	Chu Văn	Chiến	23/10/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	28,52	1.170.000	5	5.850.000
73	K205520216103	Ma Quốc	Hiền	17/12/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	27,18	1.170.000	5	5.850.000
74	K205520216123	Nguyễn Văn	Mạnh	18/10/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	27,31	1.170.000	5	5.850.000
75	K205520216154	Hoàng Nguyên	Đức	09/09/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	28,38	1.170.000	5	5.850.000
76	K205520216279	Trần Sơn	Tùng	09/05/2002	K56ĐKT.02	Học bạ	29,12	1.170.000	5	5.850.000
77	K205520216174	Lê Thị Thanh	Hiền	07/09/2002	K56ĐKT.03	Học bạ	29,45	1.170.000	5	5.850.000
78	K205520216192	Nguyễn Trường	Mạnh	27/08/2002	K56ĐKT.03	Học bạ	29,89	1.170.000	5	5.850.000
79	K205520216295	Nguyễn Văn	Chát	04/05/2002	K56ĐKT.05	Học bạ	27,04	1.170.000	5	5.850.000
80	K205520216380	Trần Hồng	An	17/08/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24,2	1.170.000	5	5.850.000
81	K205520216396	Đinh Quốc	Hà	16/05/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	25,15	1.170.000	5	5.850.000
82	K205520216405	Nguyễn Đức	Huy	01/10/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24	1.170.000	5	5.850.000
83	K205520216411	Hứa Việt	Khoa	13/10/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	25,75	1.170.000	5	5.850.000
84	K205520216413	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/08/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24,25	1.170.000	5	5.850.000
85	K205520216421	Nguyễn Đăng	Quang	04/11/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24,1	1.170.000	5	5.850.000
86	K205520216424	Nguyễn Đức	Tâm	26/11/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24,1	1.170.000	5	5.850.000
87	K205520216430	Bùi Văn	Toàn	05/02/2002	K56ĐKT.06	điểm thi	24,35	1.170.000	5	5.850.000
88	K205520216437	Lương Đức	An	25/07/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
89	K205520216465	Đồng Văn	Khải	29/07/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	24,35	1.170.000	5	5.850.000
90	K205520216473	Nguyễn Đức	Mạnh	24/12/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	25	1.170.000	5	5.850.000
91	K205520216487	Đặng Thị	Tinh	12/09/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	25,1	1.170.000	5	5.850.000
92	K205520216488	Nguyễn Văn	Toàn	14/11/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	27,75	1.170.000	5	5.850.000
93	K205520216492	Bùi Thị Hiền	Uyên	16/10/2001	K56ĐKT.07	điểm thi	25,15	1.170.000	5	5.850.000
94	K205520216493	Hoàng Quốc	Việt	15/07/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	24,7	1.170.000	5	5.850.000
95	K205520216494	Ngô Hải	Yến	25/08/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	25,6	1.170.000	5	5.850.000
96	K205520216536	Đàm Đình	Quang	05/02/2001	K56ĐKT.08	điểm thi	27	1.170.000	5	5.850.000
97	K205520216538	Nguyễn Đức	Quyết	30/06/2002	K56ĐKT.08	điểm thi	24,05	1.170.000	5	5.850.000

98	K205520216544	Hà Đức	Tiến	02/07/2002	K56ĐKT.08	điểm thi	24,4	1.170.000	5	5.850.000
99	K205520216545	Nguyễn Đức	Toàn	28/05/2002	K56ĐKT.08	điểm thi	26,5	1.170.000	5	5.850.000
100	K205520216568	Đỗ Văn	Giang	21/11/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	24,4	1.170.000	5	5.850.000
101	K205520216573	Trần Duy	Hoàn	27/07/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
102	K205520216577	Hà Quang	Huy	13/02/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	24,05	1.170.000	5	5.850.000
103	K205520216583	Trần Lê	Khiêm	13/05/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,05	1.170.000	5	5.850.000
104	K205520216586	Bằng Văn	Long	01/11/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,3	1.170.000	5	5.850.000
105	K205520216591	Dương Tiến	Phú	31/12/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	24,05	1.170.000	5	5.850.000
106	K205520216598	Lê Đức	Thắng	14/12/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,36	1.170.000	5	5.850.000
107	K205520216602	Nguyễn Xuân	Toàn	01/01/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,1	1.170.000	5	5.850.000
108	K205520216605	Trần Anh	Tuấn	09/07/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,05	1.170.000	5	5.850.000
109	K205520216606	Ôn Văn	Tuyền	15/09/2002	K56ĐKT.09	điểm thi	25,6	1.170.000	5	5.850.000
110	K205520207074	Nguyễn Anh	Duy	26/12/2000	K56ĐTT.01	điểm thi	26,1	1.170.000	5	5.850.000
111	K205520207076	Dương Thị Thu	Hà	25/06/2002	K56ĐTT.01	điểm thi	23,1	1.170.000	5	5.850.000
112	K205520207079	Ngô Thị Hoài	Hương	22/06/2002	K56ĐTT.01	điểm thi	26	1.170.000	5	5.850.000
113	K205520207083	Hoàng Mai	Ngân	16/01/2002	K56ĐTT.01	điểm thi	23	1.170.000	5	5.850.000
114	K205520207103	Hoàng Thiên	Trang	25/07/2002	K56ĐTT.01	điểm thi	24,35	1.170.000	5	5.850.000
115	K205520207003	Trần Thị	Hoàn	11/07/2001	K56ĐTT.01	Học bạ	27,88	1.170.000	5	5.850.000
116	K205520207031	Diệp Thị Thu	Ngân	26/12/2002	K56ĐTT.01	Học bạ	27,92	1.170.000	5	5.850.000
117	K205520207034	Lương Quang	Phúc	26/10/2002	K56ĐTT.01	Học bạ	27,18	1.170.000	5	5.850.000
118	K205520207099	Lương Thị Thúy	Phương	04/06/2001	K56ĐTT.01	Học bạ	26,12	1.170.000	5	5.850.000
119	K205520103003	Nguyễn Bá	Thái	14/02/1998	K56KC.01	Học bạ	27,6	1.170.000	5	5.850.000
120	K205520103013	Nguyễn Văn	Lợi	19/06/2002	K56KC.01	Học bạ	26,56	1.170.000	5	5.850.000
121	K205520103016	Trương Thị	Thủy	14/04/2002	K56KC.01	Học bạ	27,2	1.170.000	5	5.850.000
122	K205520103020	Vũ Ngọc	Anh	04/12/1999	K56KC.01	Học bạ	29,12	1.170.000	5	5.850.000
123	K205520103124	Vũ Mạnh	Tuấn	16/06/2002	K56KC.01	Học bạ	26,32	1.170.000	5	5.850.000
124	K205520103173	Lưu Thị	Hoa	18/01/2002	K56KC.03	điểm thi	24,05	1.170.000	5	5.850.000
125	K205520103174	Hà Trọng	Hùng	19/08/2002	K56KC.03	điểm thi	23	1.170.000	5	5.850.000
126	K205520103180	Nguyễn Xuân	Lam	17/06/2002	K56KC.03	điểm thi	23,5	1.170.000	5	5.850.000
127	K205520103183	Nguyễn Thị	Loan	16/04/2002	K56KC.03	điểm thi	23,35	1.170.000	5	5.850.000
128	K205520103198	Hoàng Minh	Anh	29/04/2002	K56KC.03	điểm thi	24,8	1.170.000	5	5.850.000
129	K205520103200	Đinh Văn Vũ	Quân	11/01/2002	K56KC.03	điểm thi	23,1	1.170.000	5	5.850.000
130	K205520103202	Ma Thị Kiều	Trinh	17/09/2002	K56KC.03	điểm thi	25,55	1.170.000	5	5.850.000
131	K205520103203	Nguyễn Văn	Kiên	10/11/2002	K56KC.03	điểm thi	23	1.170.000	5	5.850.000

132	K205520103207	Nguyễn Đắc	Điệp	20/06/2001	K56KC.03	điểm thi	23,75	1.170.000	5	5.850.000
133	K205480106005	Nguyễn Duy	Cao	27/11/2002	K56KMT.01	Học bạ	26,24	1.170.000	5	5.850.000
134	K205480106022	Hoàng Trần	Phâu	07/07/2002	K56KMT.01	Học bạ	28,28	1.170.000	5	5.850.000
135	K205480106026	Lê Việt	Tiến	16/03/2002	K56KMT.01	Học bạ	26,05	1.170.000	5	5.850.000
136	K205480106033	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29/07/2002	K56KMT.01	Học bạ	26,78	1.170.000	5	5.850.000
137	K205520320022	Nguyễn Hoàng	Tú	05/11/2000	K56KTM.01	Học bạ	29,32	1.170.000	5	5.850.000
138	K205510604048	Trần Ngọc	Cầm	27/04/2002	K56KTN.01	điểm thi	24,75	980.000	5	4.900.000
139	K205510604051	Dương Thị Thanh	Mai	02/12/2002	K56KTN.01	điểm thi	24,25	980.000	5	4.900.000
140	K205510604052	Phạm Hoài	Nam	22/07/2001	K56KTN.01	điểm thi	24,15	980.000	5	4.900.000
141	K205510604033	Nông Thị	Thu	13/09/2002	K56KTN.01	Học bạ	27,22	980.000	5	4.900.000
142	K205510604045	Hoàng Thị Kim	Ngân	06/10/2002	K56KTN.01	Học bạ	27,11	980.000	5	4.900.000
143	K205510604046	Trịnh Thị ánh	Tuyết	27/07/2002	K56KTN.01	Học bạ	26,32	980.000	5	4.900.000
144	K205510604057	Trần Thị	Hiền	19/12/2002	K56KTN.01	điểm thi	24,45	980.000	5	4.900.000
145	K205510601044	Hoàng Nhật	Lệ	29/09/2002	K56QLC.01	điểm thi	27,65	980.000	5	4.900.000
146	K205510601050	Lương Thùy	Linh	31/07/2002	K56QLC.01	điểm thi	26,5	980.000	5	4.900.000
147	K205510601051	Nguyễn Thị	Mùi	10/02/2002	K56QLC.01	điểm thi	24,2	980.000	5	4.900.000
148	K205510601052	Tô Thị	Nga	08/05/2002	K56QLC.01	điểm thi	23	980.000	5	4.900.000
149	K205510601012	Trần Văn	Hoàn	05/12/2002	K56QLC.01	Học bạ	26,48	980.000	5	4.900.000
150	K205510601023	Nguyễn Hoài	Nam	03/06/2002	K56QLC.01	Học bạ	26,22	980.000	5	4.900.000
151	K205510601036	Âu Thị ánh	Nguyệt	15/05/2002	K56QLC.01	Học bạ	26,51	980.000	5	4.900.000
152	K205510601041	Triệu Văn	Trường	02/04/2002	K56QLC.01	Học bạ	28,18	980.000	5	4.900.000
153	K205580201010	Trần Minh	Quyết	10/02/2002	K56KXC.01	Học bạ	26,85	1.170.000	5	5.850.000
154	K205520216389	Nguyễn Tiến	Dũng	01/02/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	24,25	1.170.000	5	5.850.000
155	K205520216394	Lê Tiến	Đức	21/03/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	25,75	1.170.000	5	5.850.000
156	K205520216440	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	25	1.170.000	5	5.850.000
157	K205520216462	Bùi Quang	Huy	10/08/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	24,65	1.170.000	5	5.850.000
158	K205520216467	Nguyễn Duy	Khánh	23/02/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	24,45	1.170.000	5	5.850.000
159	K205520216482	Vũ Trọng	Tấn	05/08/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	25,55	1.170.000	5	5.850.000
160	K205520216569	Hà Văn	Hải	28/09/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	25,25	1.170.000	5	5.850.000
161	K205520216580	Nguyễn Ngọc	Khải	13/07/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	24,55	1.170.000	5	5.850.000
162	K205520216599	Hạ Ngọc	Thiện	30/06/2002	K56TĐH-CLC.01	điểm thi	24,75	1.170.000	5	5.850.000
163	K205520216193	Lý Quang	Minh	12/06/2002	K56TĐH-CLC.01	Học bạ	27,95	1.170.000	5	5.850.000
164	K205520216391	Nguyễn Tùng	Dương	06/01/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,5	1.170.000	5	5.850.000
165	K205520216401	Trần Mạnh	Hoàn	26/07/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,9	1.170.000	5	5.850.000

166	K205520216445	Nguyễn Thành Công	22/08/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,1	1.170.000	5	5.850.000
167	K205520216459	Đỗ Việt Hoàng	11/04/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	26,65	1.170.000	5	5.850.000
168	K205520216476	Trần Duy Phong	20/09/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	25,25	1.170.000	5	5.850.000
169	K205520216499	Nguyễn Văn ánh	30/06/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,4	1.170.000	5	5.850.000
170	K205520216508	Nguyễn Xuân Đạt	26/08/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,3	1.170.000	5	5.850.000
171	K205520216542	Lê Khả Thi	28/02/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,65	1.170.000	5	5.850.000
172	K205520216595	Ngô Bá Sang	14/07/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,6	1.170.000	5	5.850.000
173	K205520216608	Lưu Minh Vũ	18/05/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	25,5	1.170.000	5	5.850.000
174	K205520216610	Bùi Hoàng Minh	26/05/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	24,15	1.170.000	5	5.850.000
175	K205520216268	Lại Văn Quang	21/10/2002	K56KMT.01	Học bạ	30,98	1.170.000	5	5.850.000
176	K205480106048	Hoàng Đức Chung	27/06/2002	K56TĐH-CLC.02	điểm thi	28,7	1.170.000	5	5.850.000
177	K205520216455	Nguyễn Thị Bích Hạnh	15/07/2002	K56ĐKT.07	điểm thi	23,15	1.170.000	5	5.850.000
	Tổng tiền								1.045.500.000

Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Đỗ Oanh

TP CT HSSV



ThS. Nguyễn Tiến Dũng

PHÒNG KHTC



ThS Phạm Khánh Luyện



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

